

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 13-6-2022  
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đỗ Bình An

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lý Văn Hùng;  
bà Trần Thị Đổi.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 330/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Võ Thị M, sinh năm 1970

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà M có mặt, ông H xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Võ Thị M trình bày tại phiên tòa như sau:*

Bà và ông Huỳnh Văn H chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên uống rượu nên bà và ông H ly thân nhau từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà M xác định giữa bà và ông H không có con chung .

Về tài sản chung: bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà và ông H tự thỏa thuận.

Về nợ chung: bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông H biết về yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng ông H không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H cũng không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Võ Thị M khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn H nên bà M được xác định là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Võ Thị M xác định bà và ông H kết hôn vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào năm 2012 nên hôn nhân giữa bà M và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà M và ông H trên cơ sở tự nguyện, bà M xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng từ năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà M xin ly hôn ông H. Đối với ông H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị M, nhưng ông có đơn vắng mặt tại phiên tòa, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông H.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, bà M xác định không có con chung với ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung: Bà M tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[2.4.] Về nợ chung: bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Võ Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về “*Tranh chấp ly hôn*” đối với ông Huỳnh Văn H.

Về hôn nhân: bà Võ Thị M được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung: Bà M xác định không có .

Về tài sản chung: bà M xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà M xác định không có.

2. Về án phí: bà Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010087 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà M không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa
- Ủy ban nhân dân Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Đỗ Bình An**